

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/DS-PT

Ngày: 12 - 01 - 2022

V/v Tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hồng Tuấn.

*Các Thẩm phán:* Ông Trần Văn Đông;  
Ông Phạm Đình Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà: Phạm Thu Uyên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Huỳnh Thiên Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 74/2021/TLPT-DS ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 92/2021/QĐ-PT ngày 28 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

\* *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L; địa chỉ: Thôn T1, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức Q; địa chỉ: Thôn B, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa (Giấy ủy quyền số 01771, quyền số 05/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/3/2021 của Văn phòng công chứng Đình Vân). Có mặt.

\* *Bị đơn:* Bà Dương Thị D; địa chỉ: Thôn T1, xã S, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Phan Tấn Hùng – Luật sư, Văn phòng Luật sư Phan Tấn Hùng thuộc Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa; địa chỉ: 13 C, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

\* *Người kháng cáo:* Bà Dương Thị D là bị đơn.

\* *Người có kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

## NỘI D VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã N, nội D vụ án như sau:

*\* Theo Đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị L và người đại diện theo ủy quyền ông Trần Đức Q trình bày:*

Bà Trần Thị L và bà Dương Thị D là người sống cùng địa phương, có quen biết với nhau, đầu tháng 01 năm 2019, bà D mượn của bà L 545.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 9.000.000đồng/tháng, hạn 02 tháng sau (ngày 30/02/2019) trả nợ. Đến hạn trả nợ bà D nêu nhiều lý do hạn lại thời gian trả nợ gốc và lãi suất. Sau nhiều lần đòi nhưng bà D vẫn không trả, ngày 16/12/2019 bà D lập giấy nhận nợ, thỏa thuận lại lãi suất mới là 0,8%/tháng và hạn đến ngày 18/12/2019 trả nợ. Về khoản tiền lãi bà D xin bớt 02 tháng tiền lãi và chốt tiền nợ lãi của năm 2019 là 90.000.000đồng (tương ứng với 10 tháng lãi). Đến nay, bà D vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho bà L, vì vậy bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Dương Thị D trả tiền nợ gốc và tiền lãi như sau:

Tiền nợ gốc: 545.000.000đồng.

Tiền lãi năm 2019 là: 90.000.000đồng.

Tiền lãi năm 2020 cho đến nay (lãi suất 0.8%/tháng):  $545.000.000đ \times 0.8\% \times 21 \text{ tháng} = 91.560.000 \text{ đồng}$ .

Tổng số tiền nợ gốc và lãi là: 726.560.000đ (Bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

*\* Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Dương Thị D trình bày:*

Bà Dương Thị D có vay tiền nhiều lần của bà Trần Thị L từ tháng 9 năm 2010 (âm lịch) đến ngày 18/12/2019 với số tiền 545.000.000 đồng (Tổng thời gian vay là 110 tháng), đã trả cho bà L cả gốc và lãi là 1.266.000.000đ (Một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu đồng). Tối ngày 18/12/2019 (Âm lịch) vợ chồng bà L, ông Biện đến nhà bà buộc bà phải viết giấy mượn tiền theo nội D “Chị Bỏ ngày 18/12/2019 có mượn của L số tiền năm trăm bốn mươi lăm triệu đồng 545.000.000”. Do có bệnh huyết áp, sợ bị đột quỵ nên bà D đã viết giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2019 bà có mượn của bà L số tiền 545.000.000 đồng, chịu lãi 0,8%/tháng. Thực chất, từ ngày viết giấy này cho đến nay bà không vay mượn tiền gì khác của bà L, ông Biện.

Việc bà L khởi kiện yêu cầu bà trả nợ cho bà L khoản tiền gốc là 545.000.000 đồng, tiền lãi năm 2019 là 90.000.000 đồng, tiền lãi từ năm 2020 cho đến nay là 21 tháng (lãi suất 0.8%/tháng) là 91.560.000 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 726.560.000 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng) là không đúng, thiếu cơ sở pháp luật. Do đó, bà D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L và đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30/9/2021 của Tòa án nhân dân thị xã N đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 264; Điều 266; Điều 269; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463 và khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L. Buộc bà Dương Thị D phải trả 726.560.000đ (*Bảy trăm hai mươi sáu triệu năm trăm sáu mươi ngàn đồng*), trong đó (nợ gốc là 545.000.000đồng, tiền lãi 181.560.000 đồng) cho bà Trần Thị L một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quy định thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/10/2021, Tòa án nhân dân thị xã N nhận được đơn kháng cáo của bà Dương Thị D, kháng cáo toàn bộ nội D bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xem xét, xét xử lại vụ án.

Ngày 25/10/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa ban hành Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 28/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N do có vi phạm: Tòa án thu thập chứng cứ nhưng không thông báo để Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là vi phạm khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của đương sự; Tòa án thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đánh giá chứng cứ chưa chính xác, chưa bảo đảm tuân thủ Điều 97 và Điều 108 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Dương Thị D giữ nguyên toàn bộ kháng cáo và trình bày: Bà vay tiền của bà Trần Thị L từ năm 2010 và tính đến năm 2015 số tiền vay là 545.000.000 đồng, con gái bà là Tô Thị Ngọc Ánh là người trực tiếp nhận tiền và ký giấy nhận tiền của bà L. Bà đã trả cho bà L tiền gốc và lãi là 1.266.000.000 đồng, không còn nợ tiền của bà L; giấy vay tiền ngày 18/12/2019 do vợ chồng bà L ép buộc bà viết. Bà D không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L và yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

Luật sư Phan Tấn Hùng trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành xét xử vụ án không có sự tham gia của Viện kiểm sát là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tòa án căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 18/12/2019 – đây không phải là hợp đồng vay tiền, số cuối trong số 2015 hay 2019 đã bị tẩy xóa và chưa làm rõ chính xác số 5 hay số 9 để xác định bản chất vấn đề và không bảo đảm giá trị pháp lý, quyết định của bản án sơ thẩm không khách quan, không đúng pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà Dương Thị D. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu của bà D, bác toàn bộ yêu cầu của bà L.

Ông Trần Đức Q trình bày: Thực chất số tiền 545.000.000 đồng bà D nợ của bà L từ năm 2015 nhưng các bên không làm giấy tờ vay nợ, không xác định thời hạn vay và việc cho vay không có lãi. Năm 2019, bà L và bà D mới thỏa thuận lãi suất là 9%/1 tháng và viết giấy nhận nợ vào vào ngày 18/12/2019 - căn cứ vào giấy nhận nợ này, bà L yêu cầu bà D trả nợ. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hoà phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội D, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 28/QĐKNPT-VKS-DS ngày 25/10/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N và có ý kiến:

Ngày 19/5/2021, Thẩm phán tiến hành lấy lời khai bà Dương Thị D về việc vay số tiền 545.000.000 đồng và ngày 24/5/2021 tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Biện (chồng của bà L) để làm rõ ý kiến của ông Biện đối với việc vay mượn số tiền 545.000.000 đồng giữa bà D và bà L. Như vậy, việc Tòa án sơ thẩm lấy lời khai của bà D, ông Biện là biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng Tòa án sơ thẩm đã không chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định khoản 2 Điều 21 và khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a Điều 2 và khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/VKSND-TANDTC ngày 01/8/2012 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao là vi phạm nghiêm trọng tố tụng dân sự.

Ngày 25/5/2021, bà D giao nộp cho Tòa án sơ thẩm một số tài liệu, chứng cứ là sổ theo dõi việc vay mượn tiền giữa bà và bà L để chứng minh việc bà vay tiền, trả nợ cho bà L, đến nay bà không còn nợ tiền của bà L, trong đó theo trình bày của bà D có một số tài liệu thể hiện có chữ viết, chữ ký của bà L; chữ ký của ông Biện (tại BL số 42, 50, 61, 64, 65, 69) nhưng Tòa án không làm rõ ý kiến của bà L, ông Biện về các tài liệu nêu trên là thu thập chứng cứ không đầy đủ nên không đủ cơ sở giải quyết vụ án. Ngoài ra, trong các tài liệu bị đơn giao nộp thể hiện có chữ ký người nhận tiền, trả tiền cho bà L là Tô Thị Ngọc Ánh và theo trình bày của bà D đó là con gái của bà nhưng Tòa án cũng không lấy lời khai của chị Ánh để xác định chị Ánh có liên quan đến việc vay mượn hay không và ý kiến của nguyên đơn về nội D này để có cơ sở xác định chị Ánh có phải là đương sự của vụ án hay không để đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án. Đồng thời, bà Bỏ là ai, có phải là bà Dương Thị D hay không, tại phiên tòa phúc thẩm, bà D mới xác định Bỏ chính là tên gọi khác của bà. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, vi phạm Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tại đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và lời khai của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án mâu thuẫn với nhau về số tiền vay, thời gian vay, lãi suất, số tiền đã trả.. nhưng Tòa án sơ thẩm không thực hiện việc đối chất là vi phạm khoản 1 Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội D kháng nghị, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân thị xã N giải quyết theo thủ tục chung. Về án phí đề nghị quyết định theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 19/5/2021 Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án tiến hành lấy lời khai bị đơn bà Dương Thị D về việc vay tiền: số tiền vay, thời gian, thời hạn vay, lãi suất, số tiền đã trả (tiền gốc, tiền lãi), số tiền còn nợ, tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn. Tại mục [2] phần NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN (Trang 3) Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N nhận định: ... biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2021 (Bút lục số 34)... bà D thừa nhận giấy mượn tiền (Bút lục số 102) là do bà viết và ký tên, Tòa án cấp sơ thẩm đã sử dụng tài liệu này là một trong các chứng cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Biên bản lấy lời khai ngày 19/5/2021 của Tòa án cấp sơ thẩm được xem là biện pháp Tòa án thu thập chứng cứ được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên việc xét xử phải có sự tham gia của Viện kiểm sát theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm không thông báo để Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa là vi phạm khoản 2 Điều 21 và khoản 2 Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Trần Đức Q là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị L trình bày thực chất số tiền 545.000.000 đồng bà D nợ của bà L từ năm 2015 nhưng các bên không làm giấy tờ vay nợ, không xác định thời hạn vay và việc cho vay không có lãi. Năm 2019, bà L và bà D mới thỏa thuận lãi suất là 9%/1 tháng và viết giấy nhận nợ vào vào ngày 18/12/2019. Lời khai nhận của ông Quân mâu thuẫn với lời khai tại giai đoạn sơ thẩm và nhận định của bản án sơ thẩm nên cần được điều tra làm rõ. Đồng thời, trong các giấy nhận nợ từ năm 2010 do bà Dương Thị D cung cấp nhằm chứng minh cho yêu cầu của mình là việc vay tiền giữa bà D và bà L được thực hiện từ năm 2010 đều do bà Tô Thị Ngọc Ánh ký tên người vay, giấy mượn tiền (Bút lục số 102) ghi ngày 16/12/2019 bà D có mượn tiền của bà L thực chất là giấy nhận nợ. Để vụ án được giải quyết khách quan, toàn diện và đúng pháp luật, cần đưa bà Tô Thị Ngọc Ánh tham gia tố tụng, việc Tòa án không đưa bà Ánh vào tham gia tố tụng là có thiếu sót.

Từ nhận định [1] và [2], Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng mà không thể bổ sung tại Tòa án cấp phúc thẩm được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, hủy bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại. Do hủy bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu của bà Dương Thị D về bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy án nên bà Dương Thị D không phải chịu án phí, trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà D.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

**1.** Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 30/2021/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**2.** Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

**3.** Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Dương Thị D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Dương Thị D 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0004074 ngày 06/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

**4.** Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- TAND TX Ninh Hòa;
- VKSND TX Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(đã ký)

**Nguyễn Hồng Tuấn**